

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

“Dự thảo”

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2010

- ❖ Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**
- ❖ Tên giao dịch đối ngoại: **YenBai Cement and Minerals Joint Stock Company**
- ❖ Tên viết tắt: **YBC**
- ❖ Logo:



- ❖ Địa chỉ doanh nghiệp: **Tổ 16, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái**
- ❖ Điện thoại: (84-29) 3885154; Fax: (84-29) 3885585
- ❖ Địa chỉ Email: ximangyb@gmail.com
- ❖ Địa chỉ WebSite: www.ybcmjsc.com
- ❖ Vốn điều lệ : 48.374.300.000 đồng (*Bốn mươi tám tỷ, ba trăm bảy mươi tư triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn*)
- ❖ Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5200216647 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp (lần thứ 7) ngày 28 tháng 5 năm 2009

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được xây dựng từ năm 1980 với tên gọi ban đầu là Nhà máy Xi măng Yên Bái, trụ sở chính đặt tại thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngày 17/12/2003, Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái có Quyết định số 376/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy Xi măng Yên Bái thành Công ty cổ phần Xi măng Yên Bái.

Ngày 01/01/2004 Công ty cổ phần Xi măng Yên Bái được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 17/12/2007 Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái.

Tháng 3 năm 2008, Nhà máy xi măng lò quay công suất 300.000 tấn Clinker/năm (thay thế cho nhà máy xi măng lò đứng) được khánh thành và đưa vào hoạt động.

Ngày 21 tháng 4 năm 2008 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội; ngày 20 tháng 5 năm 2008 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (mã chứng khoán YBC) tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tháng 3/2009 Công ty được UBCK Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng. Kết thúc đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 22.108.800.000 đồng lên 48.374.300.000 đồng.

Tháng 10 năm 2010, Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long là cổ đông chiến lược nắm giữ 29,72% vốn điều lệ YBC (từ tháng 12/2008) làm đơn đề nghị HĐQT YBC tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, xin được giải tỏa hạn chế chuyển nhượng trước thời hạn số sở phần đang nắm giữ, để bán cho các nhà đầu tư khác. Căn cứ vào kết quả lấy ý kiến của các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái đã ra Nghị quyết số 20/YBC-ĐHĐCĐ, ngày 17/01/2011 nhất trí thông qua với 84,41% biểu quyết tán thành giải tỏa hạn chế chuyển nhượng trước thời hạn 1.437.500 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/CP) mà cổ đông chiến lược - Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long đang nắm giữ. Ngày 10/3/2011, Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long gửi Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu YBC; Số lượng cổ phiếu đã bán: 1.437.500 CP, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 0 CP

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh xi măng; khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản

+ Quá trình phát triển:

Năm 1995, những năm cuối của thế kỷ XX, thực hiện chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang chính sách kinh tế theo cơ chế thị trường. Với cơ chế mới, công ty đã đầu tư mới một dây chuyền xi măng lò đứng công suất 60.000 tấn xi măng /năm thay thế cho sản xuất xi măng theo phương pháp thủ công trước đây.

Năm 2001, cùng với sự hướng phát triển chung của các doanh nghiệp trong cả nước, với chiến lược đầu tư sản xuất, kinh doanh đa dạng hoá các loại sản phẩm, Công ty đã tận dụng cơ

hội, phát huy lợi thế sẵn có đầu tư Nhà máy chế biến bột CaCO_3 thay thế hàng nhập ngoại dùng làm phụ gia cho các ngành sản xuất: giấy, sơn, nhựa, cao su, hoá mỹ phẩm, bột giặt, nuôi trồng thủy sản, vật liệu trang trí trong xây dựng ... Giai đoạn 1 của dự án là đầu tư lắp đặt một dây chuyền nghiền siêu mịn bột CaCO_3 theo công nghệ tiên tiến của Châu Âu (Anivi, Tây Ban Nha) và 3 dây chuyền nghiền bột CaCO_3 mịn theo công nghệ của Trung Quốc.

Giai đoạn 1 của dự án đầu tư XD Nhà máy chế biến bột CaCO_3 khi đi vào hoạt động đã cho ra những sản phẩm có chất lượng cao hoàn toàn có thể thay thế hàng nhập ngoại và được nhiều bạn hàng đánh giá cao, ký hợp đồng đặt hàng. Với hiệu quả bước đầu trong đầu tư, cùng với yêu cầu của thị trường, năm 2002 Công ty tiếp tục đầu tư giai đoạn 2 Nhà máy chế biến bột CaCO_3 bằng việc lắp đặt thêm một dây chuyền nghiền siêu mịn bột CaCO_3 công suất 10.000 tấn/năm và một dây chuyền tráng phủ bột CaCO_3 bằng axit béo dùng cho ngành công nghiệp nhựa.

Song song với việc đầu tư mở rộng sản xuất Nhà máy chế biến CaCO_3 năm 2001, 2002 Công ty cũng đã đầu tư mở rộng quy mô Nhà máy xi măng, lắp đặt thêm một dây chuyền sản xuất xi măng lò đứng theo công nghệ Trung Quốc với công suất như dây chuyền trước, nâng tổng công suất Nhà máy xi măng lên 120.000 tấn/năm.

Năm 2003, theo xu hướng phát triển của các ngành công nghiệp, để thỏa mãn mọi yêu cầu của khách hàng về số lượng, chất lượng, giá cả ... Công ty đã đi sâu tìm hiểu, nắm bắt nhu cầu thị trường quyết định tiếp tục đầu tư dây chuyền nghiền siêu mịn số 3 với thiết bị hiện đại của Cộng Hoà Liên Bang Đức. Sản phẩm sản xuất trên dây chuyền này không những đạt năng suất cao, chất lượng tốt mà còn đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của khách hàng.

Trước đòi hỏi cao của thị trường, tháng 4 năm 2005 Công ty tiếp tục đầu tư tiếp dây chuyền nghiền siêu mịn số 4 công nghệ của Cộng hoà liên bang Đức thế hệ mới. Toàn bộ dây chuyền mới này được điều khiển bởi hệ thống DCS tự động hoá hoàn toàn theo chương trình logic cùng với thiết bị phân ly hiện đại có khả năng sản xuất sản phẩm bột CaCO_3 siêu mịn có kích cỡ hạt $D_{50} \leq 1,0 \mu\text{m}$, $D_{97} \leq 5 \mu\text{m}$ đáp ứng yêu cầu để sản xuất các sản phẩm cao cấp cho các ngành công nghiệp.

Đi đôi với công tác đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến CaCO_3 , năm 2004 Công ty cũng đã đầu tư nâng công suất Nhà máy xi măng từ 120.000 tấn/năm lên 150.000 tấn/năm bằng việc cải tạo lò nung và lắp đặt thêm một dây chuyền nghiền liệu. Không dừng lại ở đó, năm 2005 theo quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng đến năm 2010 định hướng đến năm 2020 của Chính phủ, Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái đề xuất phương án cải tạo chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng hiện có từ lò đứng sang lò quay, công suất 300.000 tấn Clinker/năm. Từ khi đi vào hoạt động Nhà máy xi măng lò quay đã cho ra những sản phẩm xi măng PCB30, PCB40, PC40, PC50 có chất lượng cao, thay thế hoàn toàn xi măng TW trong khu vực, tạo nên thế và lực mới cho doanh nghiệp.

+ Tình hình hoạt động hiện nay

Nhà máy Xi măng:

Công suất 300.000 tấn Clinker/năm tương đương với công suất 400.000 tấn xi măng/năm được sản xuất theo công nghệ lò quay hiện đại, đã cho ra sản phẩm xi măng PCB30, PCB40, PC40 và PC50 đạt TCVN và ổn định

Nhà máy chế biến Cacbonat canxi:

Nhà máy được đầu tư xây dựng theo công nghệ hiện đại của Châu Âu với thiết bị do Cộng hoà Liên bang Đức và Vương quốc Tây Ban Nha chế tạo. Qua các giai đoạn đầu tư mở rộng cho đến nay Nhà máy Chế biến CaCO_3 có các dây chuyền sau:

- Bốn dây chuyền nghiền sản phẩm bột CaCO_3 siêu mịn công nghệ Châu Âu công suất 75.000 tấn/năm. Trong đó: Hai dây chuyền thiết bị của hãng HOSOKAWA ALPINE - Cộng hoà Liên bang Đức chế tạo; Hai dây chuyền thiết bị của hãng ANIVI - Vương quốc Tây Ban Nha chế tạo; với hệ thống nghiền siêu mịn theo chu trình kín với thiết bị phân ly hiện đại, có thể điều chỉnh cỡ hạt 1 μm ; 1,5 μm ; 2 μm , 3 μm , 4 μm ...theo mọi yêu cầu của khách hàng;

- Bốn dây chuyền nghiền sản phẩm bột mịn với tổng công suất 50.000 tấn/năm;

- Một dây chuyền tráng phủ sản phẩm bằng axit béo, công suất tráng phủ 7.500 tấn/năm, với thiết bị của hãng ANIVI - Vương quốc Tây Ban Nha chế tạo;

Xí nghiệp khai thác đá:

Tổ chức khai thác đá làm nguyên liệu cho sản xuất xi măng và chế biến sản phẩm CaCO_3 . Xí nghiệp quản lý và khai thác trên 4 mỏ với diện tích 26,24 ha, với sản lượng khai thác hàng năm đạt trên 350.000 m³.

Bảng 1: Sản xuất kinh doanh của công ty thể hiện qua các năm

<i>Các tiêu chí</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Năm 2006</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>
1- Doanh thu	Triệu đồng	149.500	161.136	225.850	313.771	302.108
2- Sản phẩm sản xuất						
- Xi măng + Clinker	Tấn	138.966	144.807	252.598	358.082	323.982
- Cacbonat canxi	Tấn	99.381	91.284	72.969	80.716	86.159
3- Sản phẩm tiêu thụ						
- Xi măng + Clinker	Tấn	139.695	144.891	247.078	363.610	327.640
- Cacbonat canxi	Tấn	100.060	96.798	73.153	82.074	87.106
4- Nộp thuế	Triệu đồng	6.701	6.475	8.632	8.216	12.182

5- Lợi nhuận	Triệu đồng	4.960	9.260	6.076	9.168	2.371
6-Thu nhập bình quân của người lao động	1.000 Đ/ N/ T	1.700	2.200	2.510	3.990	3.854
7- Cổ tức	%/vốn ĐL	12	15	12	13	

3. Định hướng phát triển của Công ty năm 2011:

*** Một số đặc điểm trong năm:**

- Về thị trường: Năm 2011 là năm mà thị trường xi măng và cacbonat canxi sẽ có sự cạnh tranh khốc liệt.

+ Đối với sản phẩm xi măng:

Hiện nay, trên toàn quốc nói chung cũng như tại địa bàn nói riêng có rất nhiều nhà máy xi măng công suất lớn (thông thường công suất trên 01 triệu tấn XM/năm) đã đưa vào vận hành. Tại địa bàn tỉnh Yên Bái có 02 NM (XM Yên Bái và XM Yên Bình) với tổng công suất 1,5 triệu tấn XM/năm; tại các tỉnh lân cận cũng có nhiều NM xi măng như: Phú Thọ có NM xi măng Hữu Nghị (03 dây truyền công suất 3,6 triệu tấn/năm), Tuyên Quang cũng có 02 nhà máy với công suất tương tự ... cùng nhiều các NM xi măng của Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hải Dương, Ninh Bình ...

Bên cạnh đó, một số nhà máy xi măng mới xây dựng song trong khu vực tiếp tục đưa ra thị trường một lượng sản phẩm lớn: Nhà máy xi măng Sông Thao 1,2 triệu tấn/năm; Nhà máy xi măng Thanh Ba 400 ngàn tấn/năm; Nhà máy xi măng Tân Quang 1,2 triệu tấn/năm; Nhà máy xi măng Quang Sơn 1,4 triệu tấn/năm (cách Công ty 90 km). Các nhà máy này đều có chung vùng thị trường ở các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Tuyên Quang Hà Giang, Phú Thọ.

Mặc dù lượng cung xi măng cao hơn so với cầu, nhưng năm 2011 là năm đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng, năm đầu của nhiệm kỳ Quốc hội và HĐND các cấp, do đó sẽ có nhiều chương trình đầu tư lớn, đầu tư xây dựng cơ bản tăng cao, nhất là tại tỉnh miền núi Yên Bái được Đảng và Nhà nước quan tâm phát triển đầu tư, nên thị trường tiêu thụ trong năm có nhiều khả quan.

+ Đối với sản phẩm cacbonat canxi:

Theo điều tra ở tỉnh Nghệ An có thêm 6 dây truyền, công suất 150.000 tấn/năm; tại tỉnh Yên Bái, ngay trên địa bàn Công ty hoạt động có thêm 3 dây truyền công suất khoảng 90.000 tấn/năm của Công ty phát triển số 1 Hải Dương, Công ty CP xi măng Yên Bình và Tổng công ty sông đà. Tuy nhiên, YBC có thể mạnh hơn các doanh nghiệp khác ở loại sản phẩm này về kinh nghiệm trong sản xuất, về chất lượng của sản phẩm và đặc biệt đã được nhiều khách hàng tín nhiệm, cùng hợp tác với công ty trong nhiều năm qua.

- Về chi phí nguyên liệu, vật liệu đầu vào:

+ Giá than đã tăng 140%, lên 2.270.000 đồng/tấn và có thể tiếp tục tăng đã làm cho giá thành sản xuất Clinker tăng cao.

+ Giá điện từ ngày 01/3/2011 đã tăng 15,3 %; giá xăng tăng 4.900 đồng/lít, lên 21.300 đồng/lít; giá dầu Diezen tăng 6.400 đồng/lít, lên 21.100 đồng/lít và su hướng còn tiếp tục tăng đã làm cho mọi chi phí đều tăng trong sản xuất – kinh doanh.

+ Tiền lương tối thiểu do Nhà nước quy định được điều chỉnh với mức ngày càng tăng (mức lương tối thiểu mới áp dụng từ 01/5/2011 là 830.000 đồng), nên việc Doanh nghiệp nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ đã làm cho giá thành sản xuất tăng cao, gây khó khăn trong việc cạnh tranh giá của sản phẩm trên thị trường.

- Các chính sách tài chính:

+ Nhà nước thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng, khống chế lãi suất huy động, thả nổi lãi suất cho vay. Ngân hàng Nhà nước cho phép các Ngân hàng Thương mại thoả thuận với doanh nghiệp về lãi suất tiền vay với mức tăng cao từ 17,5 đến 20%/năm. Với lãi suất tiền vay vốn lưu động (theo hạn mức vay vốn trong năm khoảng 80 tỷ đồng), cùng các khoản trả lãi vay đầu tư trước đây và khi không được hỗ trợ lãi suất đã làm cho chi phí tài chính tăng cao trong sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Năm 2011, Chính phủ cắt giảm khoảng 20% các khoản đầu tư công, các công trình đầu tư XDCB đều phải xem xét lại, cắt giảm, chậm tiến độ thi công, có công trình không thể triển khai được, từ đó dẫn đến lượng tiêu thụ xi măng trên thị trường sẽ cạnh tranh mạnh, thanh toán nợ khó khăn.

*** Một số giải pháp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2011:**

Đứng trước những khó khăn trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đưa ra một số giải pháp sau:

- Giải pháp về công tác tiêu thụ - thị trường:

+ Đối với sản phẩm xi măng: Giữ vững thị phần đã có trên thị trường Yên Bái, bằng cách: Tiếp cận ngay các chủ đầu tư để giành thị trường; Cung cấp ổn định sản phẩm cho các nhà thầu lớn trong khu vực, coi họ là đối tác chiến lược, là khách hàng vip của Công ty; Xem xét có thể bỏ qua một số khâu trung gian trong tiêu thụ; Đẩy mạnh số lượng sản phẩm tiêu thụ ở thị trường ngoài tỉnh, mà trước đây sản phẩm của Công ty đang chiếm lĩnh có uy tín.

+ Đối với sản phẩm cacbonat canxi: Đẩy mạnh khai thác đá nguyên liệu, lựa chọn nguyên liệu có chất lượng tốt để sản xuất, đẩy mạnh hàng xuất khẩu; giữ vững những khách hàng đã có; tìm kiếm thêm những khách hàng mới trong nước, tập trung sản phẩm có giá trị cao bán vào những ngành chủ yếu như: giấy, nhựa, sơn.

- Giải pháp về chi phí sản xuất:

+ Đầu tư cải tạo công nghệ theo chiều sâu, tăng khả năng làm việc của các thiết bị vận chuyển, tăng khả năng làm nguội của máy làm lạnh Clinker, tính toán phù hợp phối liệu, tăng năng suất lò nung Clinker lên 1.200 tấn/ngày (tăng khoảng 20%); cùng với việc cải tạo năng suất đã giảm lượng điện tiêu hao.

+ Cải tạo công nghệ để giảm giá thành tiêu hao nhiên liệu, bằng việc đổi mới vôi đốt để đốt được than trộn, giữa than Hòn Gai với các loại than khác (như than Thái Nguyên) với giá rẻ, chất bốc cao. Việc cải tạo này đã làm giảm giá than đưa vào sản xuất từ 2.270.000 đồng/tấn (than thương mại với giá: 2.500.000 đồng/tấn) xuống dưới 2.000.000 đồng/tấn, từ đó đã làm giảm được mức tăng giá thành của than trong sản xuất.

+ Tiết kiệm năng lượng điện bằng việc thay đổi hệ thống lọc bụi, máy phân ly có hiệu suất cao lắp cho cả 4 máy nghiền xi măng, từ đó làm tăng năng suất nghiền xi măng.

+ Lắp thêm bộ điều chỉnh điện áp cho các máy biến áp để đảm bảo ổn định nguồn điện, thực hiện gia tăng sản xuất liên tục ở những giờ thấp điểm (tăng công suất máy nghiền liệu từ 11 tấn/h lên 14 tấn/h), hạn chế chạy thiết bị điện ở những giờ cao điểm nhằm tiết kiệm điện hạ giá thành sản phẩm.

+ Đối với chế biến CaCO_3 : Nâng cao năng suất của các dây chuyền nghiền, tăng sản lượng sản phẩm bột, chế biến đá hạt, đá cục để xuất khẩu.

- Giải pháp tài chính:

+ Giảm hàng tồn kho vật tư, nguyên nhiên liệu để tránh ứ đọng vốn (trừ một số vật tư, nhiên liệu chiến lược như: than);

+ Lựa chọn nhà cung ứng vật tư, nguyên vật liệu có chất lượng tốt, giá cả hợp lý nhưng không bị áp lực về thời gian thanh toán nợ;

+ Tăng giá bán các loại sản phẩm (đã tăng giá bán sản phẩm CaCO_3 bình quân lên khoảng 80.000 đồng/tấn đến 140.000 đồng/tấn; xi măng đã tăng từ ngày 01/4/2011 lên khoảng 100.000 đồng/tấn đến 120.000 đồng/tấn và đã được thị trường chấp nhận) nhằm đảm bảo cân đối với sự tăng giá của đầu vào;

+ Áp dụng khung thời gian trích khấu hao TSCĐ theo thông tư số 203/2009/TT - BTC, ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính nhằm kéo dài thời gian trích khấu hao của một số TSCĐ có giá trị sử dụng lâu dài, làm giảm giá thành sản phẩm. Từ đó xin giãn thời gian trả nợ dài hạn của dự án xi măng lò quay, giảm áp lực trả nợ vốn vay và lãi vay ngân hàng;

+ Tăng vốn điều lệ bằng việc phát hành thêm cổ phiếu cho các nhà đầu tư chiến lược. Vốn và thặng dư trong việc phát hành vốn sẽ được trả cho khoản vay đầu tư dài hạn, làm giảm chi phí

tài chính (lãi vay ngân hàng) tăng hiệu quả trong kinh doanh;

+ Tận dụng tối đa các chính sách ưu đãi của địa phương và trung ương đối với doanh nghiệp.

- Về đầu tư phát triển:

Trong năm 2011 cần tập trung đầu tư chiều sâu theo hướng cải tạo công nghệ để tăng năng suất, giảm chi phí trong sản xuất với một số hạng mục sau:

+ Đầu tư cải tạo nâng công suất 4 máy nghiền xi măng bằng việc: lắp đặt máy phân ly và máy lọc bụi mới.

+ Đầu tư thay thế vôi đốt (vôi phun than) để đốt than có giá mua thấp, có chất bốc cao với than Hòn Gai;

+ Đầu tư mở tuyến khai thác tại mỏ Tây Bắc Mông Sơn, mỏ Núi Hương, mỏ Mông Sơn VI để nâng cao sản lượng khai thác đá trắng phục vụ cho sản xuất và tăng cường xuất khẩu.

+ Đầu tư thăm dò và xin cấp phép khai thác công nghiệp lâu dài mỏ Mông Sơn VI và mỏ đất sét.

+ Đầu tư xúc tiến thương mại và phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài. Trong năm 2011, dự kiến xuất khẩu 20.000 tấn bột CaCO_3 và duy trì sản lượng xuất khẩu tăng 20% mỗi năm.

4. Chiến lược phát triển trung và dài hạn đến năm 2015

- Chiến lược Marketing

Để có được chiến lược Marketing phù hợp, Công ty đưa ra một số giải pháp sau:

+ Củng cố và phát triển thị trường nội địa một cách sâu rộng và ổn định, không ngừng nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng thị hiếu đa dạng của khách hàng;

Đối với sản phẩm xi măng: Mục tiêu là mở rộng và phát triển thị trường vùng Tây Bắc với các công trình trọng điểm như: đường giao thông lớn (đường xuyên Á), các công trình thủy điện, các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng trong khu vực. Giữ vững và tăng thị phần sản phẩm tại các vùng dân cư khu vực phía Tây Bắc;

Đối với sản phẩm CaCO_3 : Đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh thị trường trong nước, xúc tiến thương mại để tăng cường xuất khẩu sản phẩm CaCO_3 ra nước ngoài;

+ Phân loại khách hàng, đưa ra chiến lược bán hàng cụ thể, thực hiện chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý và phù hợp với đặc thù của từng thị trường;

+ Tiếp tục đẩy mạnh các hình thức quảng cáo, giới thiệu sản phẩm đến người tiêu dùng; làm tốt công tác dịch vụ sau bán hàng; tham gia các hoạt động triển lãm, hội chợ quảng bá sản phẩm;

+ Đảm bảo nghiêm ngặt về số lượng và chất lượng sản phẩm khi giao hàng. Duy trì và thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.

- *Chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh:*

+ Tập trung phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền thống và là lợi thế của Công ty như các loại sản phẩm CaCO_3 siêu mịn, xi măng PCB30, PCB40, PC 40, PC50 và Clinker. Khả năng triển khai sản xuất các loại sản phẩm mới để xuất khẩu như: Đá cục, đá chips, bột mịn tinh khiết dùng để làm đá ép...

+ Triển khai song công tác đầu tư thăm dò và xin cấp phép khai thác công nghiệp lâu dài mỏ Mông Sơn VI và mỏ đất sét. Khảo sát mở rộng đầu tư thăm dò và khai thác các loại khoáng sản khác như: sắt, pơngphat, thạch anh ...

+ Đầu tư thêm thiết bị khai thác công suất lớn, với mục tiêu sản lượng khai thác đá hoa trắng tăng 30% mỗi năm lên đến 200.000 m³ vào năm 2015, để phục vụ cho chế biến tại Công ty và xuất khẩu;

+ Khi thị trường tín dụng ổn định, đủ điều kiện về vốn đối ứng thì thực hiện Dự án mở rộng nhà máy chế biến CaCO_3 , bằng việc đầu tư đồng bộ một dây chuyền nghiền siêu mịn với công nghệ cao của CHLB Đức, công suất 35.000 tấn/năm (mức đầu tư khoảng 60 tỷ đồng);

+ Đầu tư đồng bộ trạm nghiền xi măng có thiết bị cán ép (tiền nghiền), trạm đóng bao và xuất sản phẩm công suất: 500.000 tấn/năm, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất ở công đoạn nghiền xi măng, với tổng mức đầu tư khoảng 70 tỷ đồng. Khi đầu tư đồng bộ trạm nghiền sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao: Giảm chi phí điện năng khoảng 7.000 đồng/tấn xi măng, tăng lượng phụ gia pha trộn làm giảm giá thành sản xuất xi măng khoảng 9.000 đồng/tấn. Nếu sử dụng nguồn vốn từ việc phát hành thêm cổ phiếu thì sẽ giảm được áp lực chi phí tài chính (lãi vay) và chi phí khấu hao.

+ Nhằm tận dụng triệt để nguồn nhiệt thừa của khí thải lò nung Clinker, khi nguồn vốn cho phép sẽ đầu tư lắp đặt một Trạm máy nhiệt điện công suất 20 M, mức đầu tư khoảng 50 tỷ đồng, dự tính thu hồi vốn trong vòng 5 năm. Tận dụng lần hai hơi nước của Trạm máy nhiệt điện để lắp đặt một Dây chuyền bê tông xộp có trung áp công suất 30.000 m³/năm, tương đương 23 triệu viên gạch/năm, mức đầu tư khoảng 30 tỷ đồng (việc tận dụng lần hai hơi nước của Trạm máy nhiệt điện theo tính toán có thể giảm mức đầu tư của dây chuyền sản xuất gạch xộp tới 50%); Thời gian thu hồi vốn trong 3 năm. Các sản phẩm này có ưu thế về môi trường (tận dụng khí thải), tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm xi măng của công ty và đang được Nhà nước khuyến khích sử dụng.

+ Tăng cường đầu tư cho công tác mở rộng thị trường cùng với việc mở thêm hệ thống đại lý bao tiêu, các kênh bán sản phẩm ra nước ngoài.

- Chiến lược về tài chính:

+ Duy trì một cơ cấu tài chính lành mạnh và phù hợp là yếu tố quan trọng để giảm rủi ro tài chính cho Công ty, cũng như đảm bảo được đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Bên cạnh đó, vốn luôn là yếu tố quan trọng đối với các doanh nghiệp. Công ty đang dần tiếp cận và tìm cách thức huy động vốn hiệu quả. Bằng việc phát hành tăng vốn cho cổ đông nước ngoài (giao cho HĐQT Công ty thương thảo với các đối tác, với giá dự kiến không thấp hơn 35.000 đồng/cổ phiếu). Bên cạnh đó còn huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên, vay ngân hàng ...

+ Thực hiện liên doanh với các đối tác, dự kiến góp 1/3 mỏ đá trắng Tây Bắc Mông Sơn (Trung Sơn) với giá trị khoảng 35 tỷ đồng (giao cho HĐQT chủ động tìm đối tác)

- Chiến lược về nhân lực:

+ Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, chất lượng.

+ Đẩy mạnh đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực, quy hoạch đào tạo cán bộ kế cận;

+ Thu hút thêm nhân sự có khả năng làm việc từ bên ngoài.

+ Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những người có năng lực làm việc tốt.

II. Báo cáo của Hội đồng Quản trị công ty

1. Đánh giá tình hình hoạt động trong năm (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

** Tình hình hoạt động:*

- *Đối với Nhà máy chế biến CaCO_3 :* HĐQT đã tập trung chỉ đạo sản xuất những loại sản phẩm CaCO_3 có giá trị cao, giữ vững khách hàng truyền thống và mở rộng thị trường xuất khẩu đến lại hiệu quả cao.

- *Đối với Nhà máy xi măng:* Duy trì chạy ổn định Nhà máy Xi măng. Chiến lược kinh doanh của công ty có thay đổi về thị trường do sản phẩm xi măng tăng gấp hai lần so với trước đây. Bên cạnh đó, Nhà máy xi măng Yên Bình công suất 960.000 tấn/năm, cách Công ty 4km đã ổn định sản xuất, nên thị trường xi măng có sức cạnh tranh cao. HĐQT đã có giải pháp nhanh về thị trường xi măng bằng việc: sản xuất đa dạng các loại xi măng PCB30, PCB40, PC40 và PC50; tăng cường công tác tiêu thụ xi măng và clinker; đưa ra chiến lược giữ vững thị trường hiện có, mở rộng thêm thị trường mới bán vào các công trình giao thông, thủy điện trọng điểm khu vực Tây Bắc; kết hợp với việc thực hiện chính sách giá bán linh hoạt, hợp lý, phù hợp với yêu cầu của thị trường.

** Tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch*

- Chỉ đạo tốt hoạt động SXKD của công ty, cân đối các nguồn lực tài chính phục vụ

SXKD theo hướng tăng khả năng quay vòng vốn, chủ động trả các khoản nợ vay đến hạn.

- Tìm kiếm và định hướng trong khâu tiêu thụ sản phẩm, cân bằng giữa sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

- Lợi nhuận trong năm đạt 2,371 tỷ đồng, nộp thuế TNDN: 604,838 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế: 1,766 tỷ đồng. Nguyên nhân lợi nhuận trong năm không đạt kế hoạch đặt ra là 14,7 tỷ đồng với lý do:

- + Công ty vừa triển khai Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng lò quay mới đưa vào hoạt động từ đầu quý II/2008; chủ yếu là bằng vốn vay của các ngân hàng thương mại; do đó chi phí trả lãi vay ngân hàng và trả gốc trong những năm đầu có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh (trong năm 2010 Công ty đã trả nợ đầu tư 26,902 tỷ đồng).

- + Chi phí tài chính (chi phí lãi vay ngân hàng) tăng cao 32,679 tỷ đồng do lãi suất vay ngân hàng tăng cao từ 12%/năm lên 17%/năm

- + Giá các loại vật tư; nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng (làm cho giá thành sản xuất tăng cao, trong khi đó giá bán xi măng không tăng được do phải cạnh tranh trên thị trường, vì cung vượt quá cầu. Bên cạnh đó, năm 2010 là năm chuẩn bị cho Đại hội Đảng và bầu cử Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp cho nên các công trình xây dựng cơ bản chững lại.

Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm 2010 ổn định, lành mạnh, các nghĩa vụ đối với Nhà nước, quyền lợi của các cổ đông và người lao động được thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật.

** Thay đổi chiến lược kinh doanh:* Do chi phí vật tư, nguyên nhiên vật liệu, chi phí trích khấu hao và lãi vay đưa vào giá thành sản xuất xi măng rất lớn dẫn đến việc giá thành sản xuất > giá bán, trong khi đó giá bán sản phẩm xi măng lại do thị trường quyết định nên đã không đủ bù đắp đủ chi phí. Hội đồng Quản trị công ty đã thay đổi chiến lược kinh doanh; phát huy thế mạnh của sản phẩm bột CaCO_3 , tập trung mở rộng khai thác đá trắng để tăng sản lượng cho sản xuất chế biến và xuất khẩu;

2. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Mục tiêu chiến lược của YBC là trở thành Tổng Công ty khai thác và chế biến bột đá trắng mạnh, phát triển bền vững, là Nhà cung cấp chủ lực các sản phẩm bột đá trắng có năng lực cạnh tranh ở trong nước và quốc tế. Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có bề dày về kinh nghiệm, luôn được bổ sung những kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại cùng với tác phong làm việc chuyên nghiệp, toàn thể CBCNV Công ty sẽ duy trì và phát huy truyền thống của Công ty. Triển khai tốt nhất chính sách nhân viên của Công ty. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân tối thiểu 20%/năm. Ban lãnh đạo YBC tin tưởng rằng sẽ thực hiện thành công định hướng chiến lược, xây dựng YBC thực sự trở thành “Ngôi nhà chung của mọi người”.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Kế hoạch doanh thu: 330,15 tỷ đồng, thực hiện: 302,108 tỷ đồng, đạt 91,5% so với kế hoạch và đạt 96,28% so với cùng kỳ năm 2009;

Kế hoạch lợi nhuận: 14,70 tỷ đồng, thực hiện 1,766 tỷ đồng, đạt 12,0% so với kế hoạch và đạt 20,57% so với cùng kỳ năm 2009;

Doanh thu trong năm giảm 3,72%, lợi nhuận giảm 79,43% so với năm 2009 một phần là do năm 2009 có sự hỗ trợ từ gói kích cầu của Chính phủ (được hỗ trợ lãi xuất và thuế GTGT). Năm 2010 không còn có sự kích cầu của chính phủ. Nhưng nguyên nhân chính lợi nhuận trong năm không đạt so với kế hoạch đặt ra là do:

- Giá cả các loại vật tư; nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng cao (Than tăng giá từ 930.000 đồng/tấn lên 1.830.000 đồng/tấn, tăng 96,77%);
- Lãi suất ngân hàng tăng từ 12%/năm lên 17%/năm. Khi đầu tư dây chuyền sản xuất Clinker theo công nghệ lò quay chủ yếu sử dụng bằng nguồn vốn vay ngân hàng, toàn bộ chi phí khấu hao và lãi vay đầu tư rất lớn. Bên cạnh đó lãi vay vốn lưu động (thường xuyên trong năm 2010 khoảng 80 tỷ) luôn ở mức cao đã làm cho giá thành sản xuất tăng cao, giảm lợi nhuận trong năm.
- Một số nhà máy xi măng trong khu vực cũng cho ra nhiều sản phẩm cùng loại, cung vượt quá cầu thị trường tiêu thụ trong tỉnh (hiệu quả hơn) bị thu hẹp. Do việc Nhà nước bao cấp xăng dầu, cước phí vận chuyển thấp nên có rất nhiều loại xi măng ở miền xuôi lên cạnh tranh trên thị trường trong tỉnh và trong khu vực;
- Công ty đã thay đổi chiến lược thị trường, đưa sản phẩm tiêu thụ ra ngoài tỉnh, do đó chi phí tiêu thụ tăng lên (do cước phí vận chuyển tăng, chi phí đối với khách hàng cũng cùng tăng), vòng quay vốn lưu động giảm đã làm cho việc thực hiện lợi nhuận năm 2010 đạt thấp so với kế hoạch.

Tuy nhiên, tình hình tài chính của Công ty trong năm ổn định, lành mạnh, các nghĩa vụ đối với Nhà nước và người lao động được thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật.

a. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: 14.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu :

- + Vốn góp của Nhà nước: 19.277.700.000 đồng (chiếm 39,85%)
- + Vốn góp của các đối tượng khác: 29.069.600.000 đồng (chiếm 60,15%)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- | | | |
|--------------------------|---|---------------------|
| + Vốn góp đầu năm | : | 48.374.300.000 đồng |
| + Vốn góp tăng trong năm | : | Không |

- + Vốn góp giảm trong năm : Không
- + Vốn góp cuối năm : 48.374.300.000 đồng
- Dự kiến phân phối lợi nhuận và chia cổ tức :
 - + Lợi nhuận trước thuế : 2.371.353.995 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế : 1.766.515.496 đồng
 - + Lợi nhuận năm trước để lại : 0 đồng

* Dự kiến về số lợi nhuận trên như sau: lợi nhuận năm 2010 đạt thấp, không theo kế hoạch, nên số lợi nhuận trên chuyển sang năm 2011 để phân phối sau.

Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2010 : 0 đồng

d . Cổ phiếu:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 4.811.610 cổ phiếu
- + Cổ phiếu phổ thông : 4.811.610 cổ phiếu
- + Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 25.820 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND/cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh năm 2010

Bảng 2: Thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2010

<i>Các tiêu chí</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch năm 2010</i>	<i>Thực hiện năm 2010</i>	<i>Số với KH năm 2010(%)</i>	<i>Số với cùng kỳ năm 2009 (%)</i>
1- Doanh thu	Tỷ đồng	330,15	302,108	91,50	96,28
2- Sản phẩm sản xuất					
- Xi măng + Clinker	Tấn	385.000	323.982	84,15	90,48
- Cacbonat canxi	Tấn	77.000	86.159	111,89	106,74
3- Sản phẩm tiêu thụ					
- Xi măng PCB30	Tấn	385.000	327.640	85,10	90,11
- Cacbonat canxi	Tấn	77.000	87.106	113,12	106,13
4- Nộp thuế	Tỷ đồng	Theo PS	12,182	100,00	148,27
5- Lợi nhuận	Tỷ đồng	14,70	2,371	16,13	25,86
6- Mức trả cổ tức	%/năm	15-25			
7- Thu nhập bình quân	Đ/ N/ T	3.000.000	3.854.000	128,47	96,59

Trong năm 2010, sản xuất – kinh doanh của Công ty tập trung vào hai loại sản phẩm chính là Xi măng và Cacbonat can xi (CaCO₃) các loại. Do sản phẩm xi măng tiêu thụ chậm, chi

phí cao, hiệu quả thấp nên chỉ duy trì sản lượng sản xuất tương đương với lượng tiêu thụ trên thị trường. Quan tâm nhiều vào khâu khai thác đá trắng nguyên liệu và chế biến bột Cacbonnat Canxi, thay đổi cơ cấu sản phẩm trong sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, chủ yếu đi vào sản xuất những sản phẩm tinh, có giá trị lớn, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

3. Những tiến bộ Công ty đạt được

- Trong năm Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức sản xuất ở các đơn vị trực thuộc, kiện toàn lại một số chức danh cán bộ chủ chốt ở các bộ phận trong doanh nghiệp. Đào tạo, bố trí cán bộ, công nhân cho Nhà máy xi măng lò quay khi đi vào hoạt động ổn định. Thực hiện chính sách quản lý mới đối với các nhà máy, xí nghiệp trực thuộc và áp dụng Quy chế quản trị công ty đối với các công ty niêm yết theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính.

- Thực hiện điều hành thông qua sự giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát Công ty.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011

Năm 2011, YBC khẳng định việc sẽ tiếp tục ổn định và phát triển bền vững, giữ vị trí hàng đầu trong lĩnh vực nhà cung ứng sản phẩm CaCO_3 có chất lượng cao. Mức tăng trưởng đều đặn, chỉ số tài chính duy trì ở mức an toàn cao, hệ thống sản phẩm và kênh phân phối đa dạng, chất lượng dịch vụ tốt.

Bảng 3: Kế hoạch sản xuất - kinh doanh của công ty năm 2011

<i>Các tiêu chí</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Kế hoạch</i>
1- Doanh thu	Tỷ đồng	361,80
2- Sản phẩm sản xuất		
- Xi măng + Clinker	Tấn	345.000
- Cacbonat canxi	Tấn	121.000
3- Sản phẩm tiêu thụ		
- Xi măng PCB30	Tấn	345.000
- Cacbonat canxi	Tấn	121.000
4- Nộp thuế	Tỷ đồng	12,00 (Theo PS)
5- Lợi nhuận	Tỷ đồng	18,50
6- Mức trả cổ tức	%/năm/VĐL	25 - 30
7- Thu nhập bình quân	Đ/ N/ T	3.000.000

IV. Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán):

Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán theo quy định của Pháp luật về kế toán gồm có:

- 1/ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010
- 2/ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010
- 3/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010
- 4/ Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2010

Được tóm tắt như sau:

*** Bảng cân đối kế toán**

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	70.642.151.763	92.927.122.458
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	11.533.993.667	8.768.220.809
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	33.734.088.800	46.964.649.642
4	Hàng tồn kho	23.931.189.821	31.330.133.353
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.442.879.475	5.864.118.654
II	Tài sản dài hạn	266.924.372.120	258.473.224.167
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	259.205.599.896	252.046.385.594
	- Tài sản cố định hữu hình	253.715.468.180	249.420.785.609
	- Tài sản cố định vô hình	2.243.504.700	2.243.504.700
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí XDCB dở dang	3.246.627.016	382.095.285
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.262.469.000	4.262.469.000
5	Tài sản dài hạn khác	3.456.303.224	2.164.369.573
III	Tổng cộng tài sản	337.566.523.883	351.400.346.625
IV	Nợ phải trả	263.773.733.962	283.453.560.106
1	Nợ ngắn hạn	117.118.655.262	167.807.032.206
2	Nợ dài hạn	146.655.078.700	115.646.527.900
V	Vốn chủ sở hữu	72.704.872.999	67.758.103.297
1	Vốn chủ sở hữu	72.704.872.999	67.758.103.297
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	48.374.300.000	48.374.300.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	9.141.949.000	9.141.949.000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	261.000.000	261.000.000
	- Cổ phiếu quỹ	(258.200.000)	(258.200.000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		7.077.733
	- Các quỹ	8.930.730.999	8.465.461.068
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.255.093.000	1.766.515.496
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.087.916.922	188.683.222
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Tổng cộng nguồn vốn	337.566.523.883	351.400.346.625

*** Kết quả hoạt động kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	318.238.122.940	302.108.104.683
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.466.134.186	2.807.966.768
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.771.988.754	299.300.137.915
4	Giá vốn hàng bán	250.872.056.434	237.386.454.642
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	62.899.932.320	61.913.683.273
6	Doanh thu hoạt động tài chính	324.953.984	251.992.782
7	Chi phí tài chính	25.325.667.468	32.679.541.276
8	Chi phí bán hàng	23.107.556.561	24.470.830.138
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.134.825.182	8.241.315.191
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.656.837.093	(3.226.010.550)
11	Thu nhập khác	3.523.678.241	5.597.364.545
12	Chi phí khác	12.200.135	
13	Lợi nhuận khác	3.511.478.106	5.597.364.545
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.168.315.199	2.371.364.545
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	583.162.720	604.838.499
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.585.152.479	1.766.515.496
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.978	367
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

*** Các chỉ tiêu tài chính cơ bản**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ này
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	79,07	73,55
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	20,93	26,45
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	78,14	80,72
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	21,86	19,28
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,044	0,03
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,28	1,36
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,54	0,50
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,74	0,59
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,63	2,60

V. Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán

*. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty.

- Ý kiến của kiểm toán độc lập : Theo ý kiến của kiểm toán viên Báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

VI. Các công ty có liên quan (đến thời điểm Đại hội)

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước nắm giữ 39,85 % vốn điều lệ YBC;

Góp vốn điều lệ 3,7 % tương đương 4,2 tỷ đồng vào Công ty cổ phần Xi măng Yên Bình. Đây là Công ty mới thành lập từ năm 2004, đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2008.

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức Công ty (tại thời điểm Đại hội)

Bảng 4: Các văn phòng đại diện và đơn vị trực thuộc có vốn góp của YBC

<i>TT</i>	<i>Văn phòng, các đơn vị trực thuộc và các đơn vị Công ty góp vốn</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Mối quan hệ với doanh nghiệp</i>
1	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	Số 3A, đường C18, phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Giao dịch bán sản phẩm bột CaCO_3	Văn phòng đại diện
2	Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất xi măng	Đơn vị trực thuộc
3	Nhà máy chế biến CaCO_3	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất sản phẩm CaCO_3	Đơn vị trực thuộc
4	Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Khai thác đá	Đơn vị trực thuộc
5	Công ty cổ phần xi măng Yên Bình	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sản xuất xi măng	Góp vốn (sở hữu 3,7% trên vốn điều lệ)

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/01/2004, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm:

** Đại hội đồng cổ đông*

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; báo cáo của Ban kiểm soát; quyết định phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới

** Hội đồng quản trị:*

Hội đồng Quản trị gồm có 7 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

** Ban Kiểm soát:*

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

** Ban Giám đốc:*

Ban Giám đốc Công ty gồm 4 người, có 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phó Giám đốc được phân công giúp việc cho giám đốc thực hiện những nhiệm vụ do HĐQT giao.

** Các phòng ban nghiệp vụ: Có 5 phòng nghiệp vụ*

Phòng Tổ chức - Hành chính - Lao động Tiền lương

Phòng Kế toán

Phòng Kế hoạch - Vật tư và Đầu tư

Phòng Kỹ thuật - KCS

Phòng Tiêu thụ - Thị trường

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành

2.1 Ông: Phạm Quang Phú

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Ngày sinh: 17/7/1965
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy

2.2. Ông: Vũ Thanh Nghị

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng
- Ngày sinh: 17/5/1957
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Lao động

2.3. Ông: Đặng Văn Thắng

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Tiêu thụ
- Thị trường và kiêm Giám đốc nhà máy chế biến CaCO_3
- Ngày sinh: 08/3/1962
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá, chuyên ngành Hoá Silicat

2.4. Ông: Bùi Mạnh Cường

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm T.P Kế hoạch - Đầu tư
- Ngày sinh: 26/08/1963
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng

3. Quyền lợi của Ban giám đốc được hưởng: Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác được hưởng theo chính sách về tiền lương và theo quy định của pháp luật.

4. Số lượng CBCNV:

Tổng số CBCNV có mặt đến thời điểm 31/12/2010 là 529 người (không kể lao động hợp đồng thời vụ), thu nhập bình quân 3.854.000 đồng/người/tháng. Công ty chi trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho số người trên theo mức lương cơ bản. Các chế độ chính sách đối với CBCNV trong Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng pháp luật.

5. Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng:

Hội đồng Quản trị:

Ngày 30/6/2009 Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ đã bầu HĐQT nhiệm kỳ mới với 7 thành viên; trong đó: có 6 thành viên tái cử và bổ sung mới 1 thành viên là bà Đỗ Thanh Hương - Người đại diện nắm giữ cổ phần của cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Thép Cửu Long VINASHIN nay đổi tên thành Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long (nắm giữ 29,72% vốn điều lệ).

Ngày 15 tháng 4 năm 2011, bà Đỗ Thị Thu Hương có đơn xin miễn nhiệm thành viên HĐQT; lý do: không còn quản lý phần vốn của cổ đông Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long

Ban Giám đốc :

Không có gì thay đổi

Ban Kiểm soát :

Đại hội đồng cổ đông hết nhiệm kỳ diễn ra ngày 30/6/2009 đã bầu BKS nhiệm kỳ mới với 3 thành viên: Bà Nguyễn Thị Nghiêm Chang trúng cử làm Trưởng BKS; Bà Vũ Thị Thoa - Người đại diện nắm giữ cổ phần của cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Thép Cửu Long VINASHIN trúng cử làm thành viên BKS; Bà Hà Thu Phương – Chuyên viên Ban đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước trúng cử làm thành viên BKS.

Ngày 15 tháng 4 năm 2011, bà Đỗ Thị Thu Hương có đơn xin miễn nhiệm thành viên BKS; lý do: không còn quản lý phần vốn của cổ đông Công ty CP Công nghiệp nặng Cửu Long

Bà Hà Thu Phương – Chuyên viên Ban đầu tư 4, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đã chuyển công tác. Ông Phạm Văn Chung - Chuyên viên Ban đầu tư 4 được SCIC thông báo là đầu mối quản lý vốn nhà nước tại YBC, kể từ ngày 15/6/2010.

Kế toán trưởng :

Không thay đổi

VIII/ Thông tin cổ đông và quản trị công ty

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có 7(bảy) thành viên, 1 chủ tịch và 6 thành viên:

1.1. Ông: Phạm Quang Phú - Chủ tịch HĐQT (như 2.1 phần VII)

1.2. Ông: Vũ Thanh Nghị - UVHĐQT (như 2.2 phần VII)

1.3. Ông: Đặng Văn Thắng - UVHĐQT (như 2.3 phần VII)

1.4. Ông: Bùi Mạnh Cường – UVHĐQT (như 2.4 phần VII)

1.5. Ông: Nguyễn Quang Chiến

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – Trưởng phòng TC-HC YBC
- Ngày sinh: 22/5/1967
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán doanh nghiệp

1.6. Ông: Phạm Hữu Thọ

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT – Giám đốc Nhà máy xi măng YBC
- Ngày sinh: 20/09/1964
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hoá, chuyên ngành hoá Silicat

1.7. Bà: Đỗ Thanh Hương

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
- Ngày sinh: 18/10/1967
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học

2. Ban Kiểm soát : Ban Kiểm soát có 3 thành viên , 1 Trưởng ban và 2 thành viên.

2.1. Bà Nguyễn Thị Nghiêm Chang

- Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát
- Ngày sinh: 30/8/1965
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, ngành Kế toán doanh nghiệp

2.2. Bà Vũ Thị Thoa

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
- Ngày sinh: 21/3/1961
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.3. Bà Hà Thu Phương

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát
- Ngày sinh: 01/8/1980
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

2. Hoạt động của Hội đồng Quản trị :

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo sâu sát Ban Giám đốc điều hành tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh; tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát :

Năm 2010, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện đơn giá khoán tại các đơn vị trực thuộc và giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc theo điều lệ Công ty.

• Thù lao, các khoản lợi ích của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát:

+ Trong năm 2010, tổng mức thù lao chi cho Hội đồng quản trị (7 người): 360 triệu đồng; chiếm 0,12% doanh thu trong năm (Nghị quyết của ĐHĐCĐ là không vượt quá 0,3% doanh thu và 500 triệu đồng). Dự kiến năm 2011 mức trả thù lao cho HĐQT không vượt quá 0,3% doanh thu.

+ Thù lao cho ban kiểm soát (ba người) năm 2010 là: 205,877 triệu đồng, chiếm 0,068% doanh thu trong năm (đã bao gồm tiền lương chuyên trách của Trưởng ban kiểm soát, Nghị quyết của ĐHĐCĐ là không vượt quá 0,1% doanh thu và 220 triệu đồng) Dự kiến năm 2011 mức thù lao trả cho Ban kiểm soát không vượt quá 0,1% doanh thu.

4. Các hoạt động nhằm tăng cường hiệu quả quản trị trong công ty :

Trong năm 2010 YBC đã xoát xét và sửa đổi hệ thống quy chế nhằm tăng cường công tác Quản trị Công ty gồm có: Quy chế hoạt động tài chính , Quy chế cung cấp thông tin, Quy chế Tiền lương, tiền thưởng, Quy chế mua sắm TSCĐ ... và tổ chức phổ biến cho cán bộ công nhân viên trong toàn công ty . YBC cũng đã xây dựng và triển khai thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán (được ban hành kèm theo Quyết định số 12 ngày 13/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) để hoàn thiện công tác quản trị tại Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn và thành viên HĐQT tại thời điểm 01/4/2011 (là ngày chốt danh sách để thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông):

<i>TT</i>	<i>Tên cổ đông</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số CP sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
I	Cổ đông lớn			
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Số 6, Phan Huy Chú, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.927.770	39,85
	<i>Phạm Quang Phú</i>	<i>Người đại diện</i>	<i>1.927.770</i>	<i>39,85</i>
II	Hội đồng quản trị			
1	Phạm Quang Phú	Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	19.300	0,40
2	Vũ Thanh Nghị	Phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	18.500	0,38
3	Đặng Văn Thắng	Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	20.500	0,42
4	Bùi Mạnh Cường	Phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	20.300	0,42
5	Nguyễn Quang Chiến	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	13.720	0,28
6	Phạm Hữu Thạo	Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	2.100	0.04

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông đến thời điểm 01/4/2011

<i>Cổ đông</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Gía trị sở hữu (đồng)</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Số lượng cổ đông</i>
I. Cổ đông tổ chức	1.972.855	19.728.550.000	40,78	19
1. Cổ đông nước ngoài	6.000	60.000.000	0,12	2
2. Cổ đông trong nước	1.966.855	19.668.550.000	40,66	17
Trong đó: Cổ phiếu quỹ	25.820	258.200.000	0,53	
II. Cổ đông cá nhân	2.864.575	28.645.750.000	29,79	374
1. Cổ đông nước ngoài	1.200	12.000.000	0,003	2
2. Cổ đông trong nước	2.863.375	28.633.750.000	29,79	372
Tổng cộng	4.837.430	48.374.300.000	100%	442

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2010 của Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Quang Phú

